TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH SƠN** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: **33**/2019/QĐST-HNGĐ	*Bình Sơn, ngày 08 tháng 4 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 79/2019/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2019, giữa:

+ **Nguyên đơn: Chị Lê Thị Th, sinh năm 1984;**

Nơi cư trú: Đội 14, thôn 2, xã Ho, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

+ **Bị đơn: Anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1985 (tên thường gọi là "Đ");**

Nơi cư trú: Đội 14, thôn 2, xã Ho, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

Căn cứ vào các Điều 48, 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 29 tháng 3 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 29 tháng 3 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị Th và anh Nguyễn Văn V.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Chị Lê Thị Th và anh Nguyễn Văn V xác định anh, chị có 02 con chung gồm: Nguyễn Phương H, sinh ngày 21/3/2012 và Nguyễn Lê Hoàng Â, sinh ngày 12/11/2014; cả hai cháu đang ở với chị Th tại Tổ 7, thôn D, xã D, huyện P, tỉnh Quảng Nam.

2.2. Về giao nuôi con: Giao cho chị Lê Thị Th được quyền, nghĩa vụ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung là Nguyễn Phương H và Nguyễn Lê Hoàng Â.

2.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Văn V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị Th nuôi hai con chung là Nguyễn Phương H và Nguyễn Lê Hoàng Â, mức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng mỗi cháu 1.000.000 đồng; tổng cộng mỗi tháng 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*) cho đến khi cháu H và Â đủ 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 01/5/2019.

Người trực tiếp nuôi con sau ly hôn được thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom con chung không ai được quyền cản trở, nhưng không được lạm dụng quyền thăm nom con chung. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014 và các quy định khác của pháp luật.

2.4. Về tài sản chung: Chị Lê Thị Th và anh Nguyễn Văn V xác định không có tài sản chung nên không đặt ra giải quyết.

2.5. Về nghĩa vụ tài sản chung: Chị Lê Thị Th và anh Nguyễn Văn V xác định anh, chị không có có nợ ai và không có ai nợ anh, chị.

2.6. Án phí và xử lý tiền tạm ứng án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 150.000đồng và án phí cấp dưỡng 150.000đồng; tổng cộng: 300.000đồng, chị Lê Thị Th tự nguyện chịu toàn bộ số tiền án phí 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), nhưng được khấu trừ toàn bộ tiền tạm ứng án phí chị Th đã nộp theo biên lai tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2016/0002609 ngày 20/3/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

3. *Kể từ khi bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.*

4. *Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014, thời*

hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND; Chi cục THADS huyện Bình Sơn;
- UBND xã Bình Ho, huyện Bình Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

THẨM PHÁN

Lê Quang Toại